

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án

Xử lý khẩn cấp sạt lở cụm công trình Công sở xã Trung Thành và Trường PTDT bán trú - THCS Trung Thành, huyện Quan Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3719/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Dự án đầu tư công trình Xử lý khẩn cấp sạt lở cụm công trình Công sở xã Trung Thành và Trường phổ thông DTBT THCS Trung Thành, huyện Quan Hóa;

Căn cứ Công văn số 4710-CV/VPTU ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Văn phòng Tỉnh ủy về việc phương án xử lý khẩn cấp sạt lở cụm công trình Công sở xã Trung Thành, Trường PTDT bán trú - THCS Trung Thành, huyện Quan Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 8446/SXD-HĐXD ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Xử lý khẩn cấp sạt lở cụm công trình Công sở xã Trung Thành và Trường PTDT bán trú - THCS Trung Thành, huyện Quan Hóa; của UBND huyện Quan Hóa tại Tờ trình số 165/TTr-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2024 (kèm theo hồ sơ dự án).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án Xử lý khẩn cấp sạt lở cụm công trình Công sở xã Trung Thành và Trường PTDT bán trú - THCS Trung Thành, huyện Quan Hóa với những nội dung sau:

1. Nội dung điều chỉnh

1.1. Điều chỉnh giải pháp thiết kế: Bổ sung xử lý vết nứt mới phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

- Nguyên tắc thiết kế:

Để đảm bảo an toàn cho người và tài sản, phù hợp hiện trạng về địa hình, địa chất và công trình hiện hữu; xác định cơ chế sụt trượt, làm rõ cung trượt giả định qua khảo sát địa vật lý, khoan khảo sát, hố đào, các thí nghiệm trong phòng và thí nghiệm quan trắc dịch chuyển sâu và chuẩn hóa thông số tính toán theo thực tế sụt trượt; chia khối trượt thành 2 phần trên - dưới, phía trên cắt đất giảm tải kết hợp gia cố, phía dưới theo hướng bám theo địa hình hiện trạng kết hợp gia cố đảm bảo hiệu quả giữ chân, ổn định an toàn dài hạn cho công trình, tối ưu thoát nước ngầm và điều tiết nước mặt.

- Giải pháp thiết kế:

+ Phần trên của khối trượt: Đào hạ tải cơ 5, cơ 6, cơ 7, cơ 8 theo hướng từ trên xuống dưới với độ dốc 1/1.5-1/2.0. Gia cố mái dốc bằng đỉnh đất dài (2 - 11.7) m, neo dự ứng lực (DƯL) dài (20 - 25) m kết hợp tường BTCT dạng thành mỏng, khung BTCT, chống xói phủ bề mặt bằng lưới thép đan d2.7 nhúng bitum.

+ Phần dưới của khối trượt: Các cơ 1, cơ 2, cơ 3, cơ 4 giữ độ dốc mái hiện trạng kết hợp đào sửa mặt linh hoạt và gia cố mái dốc bằng đỉnh đất dài (2 - 11.7) m, neo DƯL dài (20 - 25) m kết hợp tường BTCT dạng thành mỏng, khung BTCT, chống xói phủ bề mặt bằng lưới thép đan d2.7 nhúng bitum.

(Chi tiết có hồ sơ thiết kế kèm theo).

1.2. Điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án:

Tổng mức đầu tư điều chỉnh: **92.271.795.000 đồng**.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	81.012.979.928	đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	1.734.636.039	đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	7.134.060.470	đồng;
- Chi phí khác:	569.894.338	đồng;
- Chi phí đền bù GPMB:	567.585.000	đồng;
- Chi phí dự phòng:	1.252.639.500	đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

1.3. Điều chỉnh nguồn vốn thực hiện dự án: Từ “Nguồn sự nghiệp giáo dục và đào tạo, nguồn dự phòng ngân sách tỉnh” thành “Nguồn vốn tiết kiệm chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề, nguồn dự phòng ngân sách tỉnh và các nguồn huy động hợp pháp khác”.

1.4. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Từ “Năm 2021-2022” thành “Hoàn thành trong Quý II/2025”.

1.5. Điều chỉnh nhóm dự án: từ “Nhóm C” thành “Nhóm B”.

1.6. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Quyết định số 3719/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

2. Lý do điều chỉnh: Do trong quá trình thi công dự án cũ thì xuất hiện vết nứt tại đôi phía sau cụm công trình của dự án. Do đó cần thiết phải điều chỉnh dự án để thực hiện các giải pháp xử lý, gia cố, đảm bảo an toàn cho người dân và công trình. Nội dung điều chỉnh đã được Thường trực Tỉnh ủy thống nhất chủ trương thực hiện tại Công văn số 4710-CV/VPTU ngày 22/02/2024.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng, Chủ đầu tư (UBND huyện Quan Hóa) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật (trong đó có trách nhiệm báo cáo, giải trình với các cơ quan thanh tra, kiểm toán,...) về nội dung, tính chính xác của hồ sơ dự án thẩm định, trình phê duyệt.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức quản lý thực hiện xây dựng công trình theo quy định tại Điều 58 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ, đảm bảo tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí; trong quá trình triển khai các bước tiếp theo, có trách nhiệm tiếp thu, thực hiện đầy đủ các ý kiến thẩm định của Sở Xây dựng tại Văn bản số 8141/SXD-HĐXD ngày 29/10/2024 về thông báo kết quả thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư Dự án.

3. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan, tham mưu, báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí vốn còn thiếu của dự án so với Quyết định số 3719/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh từ nguồn vốn tiết kiệm chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề, nguồn dự phòng ngân sách tỉnh và các nguồn huy động hợp pháp khác đã được xác định theo Công văn số 3321/UBND-CN ngày 12/3/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Quan Hóa; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Mai Xuân Liêm;
- PCT UBND tỉnh Đào Thanh Tùng;
- Lưu: VT, VX, CN_{HĐXD_TM.119}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Xuân Liêm

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐIỀU CHỈNH

Dự án: Xử lý khẩn cấp sạt lở cụm công trình Công sở xã Trung Thành và Trường PTDT bán trú - THCS Trung Thành, huyện Quan Hóa

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Đồng

STT	Khoản mục chi phí	Tổng mức đầu tư theo QĐ số 3719/QĐ-UBND ngày 23/9/2021	Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh	Chênh lệch: Tăng (+) Giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
I	Chi phí xây dựng công trình	31.554.796.000	81.012.979.928	49.458.183.928
II	Chi phí quản lý dự án	773.953.087	1.734.636.039	960.682.952
III	Chi phí tư vấn đầu tư	2.855.010.422	7.134.060.470	4.279.050.048
1	Chi phí khảo sát địa chất, địa hình bước lập BCNCKT	516.778.000	1.043.412.169	526.634.169
2	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	291.025.551	599.073.506	308.047.955
3	Chi phí thẩm tra báo cáo NCKT	50.172.126	111.260.453	61.088.327
4	Chi phí lập thiết kế BVTC+DT	887.951.959	2.014.550.053	1.126.598.094
5	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	65.633.976	140.836.885	75.202.909
6	Chi phí thẩm tra dự toán BVTC	64.371.784	137.398.146	73.026.362
7	Chi phí giám sát thi công xây dựng	862.077.027	1.905.367.875	1.043.290.848
8	Chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường	117.000.000	117.000.000	0
9	Chi phí Quan trắc chuyển vị		591.103.383	591.103.383
10	Chi phí khảo sát địa chất bổ sung (khảo sát địa vật lý)		474.058.000	474.058.000
IV	Chi phí khác	307.475.890	569.894.338	262.418.448
1	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN	15.674.128	34.643.052	18.968.924
2	Phí thẩm định dự án đầu tư	2.892.652	4.709.016	1.816.364
3	Phí thẩm định thiết kế BVTC		13.136.137	13.136.137
4	Phí thẩm định dự toán		12.677.338	12.677.338
5	Chi phí bảo hiểm công trình	25.243.837	63.956.796	38.712.959

STT	Khoản mục chi phí	Tổng mức đầu tư theo QĐ số 3719/QĐ- UBND ngày 23/9/2021	Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh	Chênh lệch: Tăng (+) Giảm (-)
6	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	58.033.840	107.916.000	49.882.160
7	Chi phí kiểm toán	205.631.433	332.856.000	127.224.567
V	Chi phí GPMB	666.920.220	567.585.000	-99.335.220
VI	Chi phí dự phòng	723.163.112	1.252.639.500	529.476.388
1	Chi phí dự phòng	723.163.112	1.252.639.500	529.476.388
	Tổng cộng (Làm tròn)	36.881.319.000	92.271.795.000	55.390.476.000